

Chính sách quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của ngành Ngân hàng: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam

Bùi Tín Nghị
Phạm Thị Hoàng Anh

Ngày nhận: 01/09/2017

Ngày nhận bản sửa: 15/09/2017

Ngày duyệt đăng: 28/09/2017

Mở rộng thị phần là một phần trong chiến lược kinh doanh của các ngân hàng, trong đó thị phần tại nước ngoài là tham vọng của không ít các ngân hàng. Đây là xu thế chung của ngành ngân hàng trên thế giới và là bước đi tất yếu để các ngân hàng có thêm các cơ hội kinh doanh mới, tăng lợi nhuận và phát triển. Bài nghiên cứu nhằm giới thiệu chính sách quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (Outward Foreign Direct Investment- OFDI) của ngành ngân hàng với kết cấu gồm 4 phần chính. Phần 1 tập trung làm rõ tính tất yếu của hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại. Trong phần 2, các tác giả sẽ tập trung phân tích kinh nghiệm trong quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài tại Trung Quốc. Phần 3 của nghiên cứu sẽ tổng hợp thực trạng khung pháp lý về chính sách quản lý đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài tại Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả rút ra một số khuyến nghị về chính sách quản lý đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cho ngành Ngân hàng Việt Nam.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, khung pháp lý, Việt Nam, Trung Quốc

1. Tính tất yếu đầu tư ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại

Lý thuyết về đầu tư quốc tế thường chia mục đích của hoạt động

đầu tư ra nước ngoài (Outward Foreign Direct Investment- OFDI) theo 3 nhóm: tìm kiếm thị trường (market- seeking investments), tìm kiếm hiệu quả (efficiency- seeking investments) và tìm kiếm tài

nguyên (resource- seeking investments), (Phạm Thị Hoàng Anh, 2009).

(i) Hoạt động đầu tư nước ngoài nhằm tìm kiếm thị trường (market-seeking investments): Với mục đích

tìm kiếm thị trường cho hoạt động kinh doanh của mình, các nhà đầu tư nước ngoài thường rất chú ý đến quy mô của thị trường nội địa (được đo bằng tổng sản phẩm quốc nội- GDP), GDP bình quân đầu người (GDP per Capita), hoặc tốc độ tăng trưởng kinh tế thực tế của nước nhận đầu tư (real economic growth rate). Đây thường được coi là những nhân tố kinh tế vĩ mô chính thu hút lượng vốn FDI chảy vào một quốc gia.

(ii) Hoạt động đầu tư nước ngoài nhằm tìm kiếm hiệu quả (Efficiency-seeking investments): Tìm kiếm hiệu quả kinh doanh tại các thị trường nước ngoài cũng là một trong các mục đích mà các công ty đa quốc gia hướng tới. Nguồn lao động dồi dào (đặc biệt là lao động chưa qua đào tạo) với chi phí thấp được coi là một trong những nhân tố chính thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến tìm kiếm cơ hội kinh doanh tại nước sở tại. Nó đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực sản xuất cần sử dụng nhiều lao động.

(iii) Hoạt động đầu tư nước ngoài nhằm tìm kiếm tài nguyên thiên nhiên (Resource-seeking investments): Vào thời kì khởi đầu của hoạt động đầu tư nước ngoài, các nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào là động lực quan trọng nhất thúc đẩy các công ty tìm kiếm hoạt động kinh doanh tại nước sở tại. Sau chiến tranh thế giới lần thứ II, đặc biệt là vào những thập kỉ 60, 70 của thế kỉ 20, vai trò của nguồn tài

nguyên thiên nhiên trong thu hút đầu tư nước ngoài đã suy giảm. Nguyên nhân là do các nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào chỉ đem lại lợi thế so sánh trong hoạt động thương mại quốc tế chứ không có nhiều vai trò trong việc thúc đẩy hoạt động đầu tư quốc tế. Đối với hệ thống ngân hàng, bên cạnh những nguyên nhân đã kể trên thì có một số nguyên nhân đặc thù dẫn đến làn sóng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại (NHTM) trong đó phải kể đến:

Quy định về cho vay

Các quy định cho vay chặt chẽ hơn tại quốc gia mẹ là động lực thúc đẩy các ngân hàng gia tăng hoạt động cho vay ra nước ngoài. Tại Canada, khi các tiêu chuẩn vốn trong nước được thắt chặt (ví dụ như yêu cầu mức độ cao hơn của tài sản thanh khoản hoặc yêu cầu cao hơn với tỷ lệ cho vay trên tài sản thế chấp- LTV), có thể thấy xu hướng giảm tỷ trọng cho vay tại nước ngoài với phân khúc bán lẻ và giảm tỷ lệ cho vay trên tiền gửi đối với các ngân hàng có hoạt động quốc tế nhiều hơn các ngân hàng chỉ hoạt động trên thị trường nội địa, (Phạm Thị Hoàng Anh và cộng sự, 2017). Việc thắt chặt chính sách bảo đảm an toàn nước ngoài cũng có mối liên hệ với tốc độ tăng trưởng chậm lại đối với tín dụng trong nước của các ngân hàng đa quốc gia Canada. Giả sử một ngân hàng đa quốc gia chỉ có một nguồn vốn cố định, các ngân hàng này sẽ tối ưu hóa cho vay trên các khu vực

hoạt động của mình, có nghĩa họ sẽ giảm cho vay trong quốc gia này trong khi ngày càng tăng cho vay tại quốc gia khác.

Giám sát tài chính

Khi nhìn vào ảnh hưởng của việc giám sát quản lý đối với thu nhập ròng từ lãi (Net Interest Margin- NIM) của ngân hàng nước ngoài, có thể thấy rằng các ngân hàng nước ngoài thường đến từ quốc gia có quy định hạn chế chặt chẽ về sở hữu ngân hàng và yêu cầu chứng nhận kiểm toán thường có NIM cao hơn các ngân hàng nội địa tại quốc gia được đầu tư. Điều này cho thấy rằng chất lượng quy định và giám sát tài chính của một quốc gia mẹ tốt hơn sẽ khiến các ngân hàng này có lợi nhuận cao hơn ngân hàng nội địa. Bên cạnh đó, chỉ số cạnh tranh trong thị trường ngân hàng tại quốc gia mẹ cũng là một nhân tố ảnh hưởng đáng kể tới NIM của ngân hàng nước ngoài (chỉ số này càng cao thì NIM của ngân hàng nước ngoài càng có xu hướng cao hơn).

Mức độ can thiệp của Chính phủ

Tại một số nước có sự can thiệp mạnh mẽ của Chính phủ vào ngành ngân hàng như Nga, chiến lược mở rộng đầu tư ra nước ngoài của các ngân hàng có liên quan chặt chẽ với chiến lược của Chính phủ Nga (là cổ đông chính của các ngân hàng lớn Sberbank, VneshtorgBank, quản lý gián tiếp tại Ngân hàng Gazprombank), thể hiện định hướng “theo Chính phủ” bên

ạnh định hướng “theo khách hàng” như lý thuyết thông thường. Một động lực khác cho việc mở rộng đầu tư ra nước ngoài của các ngân hàng Nga bao gồm môi trường trong nước như: Áp lực quản lý của nhà nước, pháp luật không minh bạch, sự bất ổn chính trị & kinh tế, M&A như là một cách để duy trì khoảng cách từ sự can thiệp của Chính phủ. Trong lý thuyết ngân hàng đa quốc gia, phần lớn hoạt động OFDI của ngân hàng Nga được giải thích bởi giả thuyết nhu cầu thoát khỏi các điều kiện không thuận lợi trên thị trường nội địa.

Quy định của quốc gia mẹ bao gồm các hạn chế đầu tư ra nước ngoài, quy định chung về hành vi ngân hàng có thể ảnh hưởng đến mô hình và tính chất hoạt động của ngân hàng tại các quốc gia được đầu tư. Theo nghiên cứu của Frankel- Morgan (1992) tại thị trường Hoa Kỳ chỉ ra rằng, sự khác biệt trong quy định luật pháp xuyên quốc gia có thể làm giảm chi phí của các ngân hàng nước ngoài so với các ngân hàng bản địa, do đó làm tăng khả năng cạnh tranh của các ngân hàng này. Những hạn chế đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài sẽ làm giảm hiệu quả của ngành ngân hàng và giảm khả năng lợi thế cạnh tranh của các ngân hàng trong nước, từ đó hạn chế sự gia nhập vào thị trường nước ngoài. Trong khi những quy định chặt chẽ hơn về cho vay tại quốc gia mẹ là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến các khoản vay có rủi ro cao hơn tại thị trường nước

ngoài. Có thể thấy các quốc gia mẹ thường ưu tiên lợi ích của mình hơn là lợi ích chung của tài chính toàn cầu. Ví dụ, các nhà quản lý tại các quốc gia Châu Âu không bắt buộc các ngân hàng Châu Âu tại nước ngoài phải tái cơ cấu mà thay vào đó cho phép các ngân hàng này bỏ tài sản và rút khỏi thị trường. Ngoài ra, các quốc gia mẹ thường cố gắng thu hồi tài sản của ngân hàng đa quốc gia trước các quốc gia khác, hành động này có thể gây rủi ro cho các ngân hàng tại quốc gia được đầu tư.

2. Kinh nghiệm của Trung Quốc về chính sách quản lý đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thuộc ngành ngân hàng

2.1. Bối cảnh đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thuộc ngành Ngân hàng tại Trung Quốc

Trung Quốc mở cửa cho sự tham gia của nước ngoài vào ngành Ngân hàng tương đối muộn. Giống như Nhật Bản và Hàn Quốc, Trung Quốc ban đầu đã hạn chế OFDI để bảo tồn ngoại hối, trong những năm 90 các ngân hàng Trung Quốc thực hiện chính sách ưu tiên cho vay trong nước. Trong khi hầu hết các nền kinh tế châu Á khác đã tiến hành tự do hoá trong nước nhiều hơn cam kết trong GATS¹, các diễn biến liên quan đến

¹ Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ là một hiệp định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) được ký kết sau khi kết thúc vòng đàm phán Uruguay và bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

hoạt động của ngân hàng nước ngoài ở Trung Quốc chủ yếu là do Trung Quốc thực hiện các nghĩa vụ sau khi gia nhập WTO vào năm 2001. Việc Trung Quốc gia nhập WTO đòi hỏi phải dần mở cửa thị trường và ngành ngân hàng tài chính phải đối mặt với áp lực cạnh tranh gia tăng từ phía các ngân hàng nước ngoài. Trong bối cảnh đó, Trung Quốc nhận thấy cũng đến lúc Chính phủ cũng cần nới lỏng dần các quy định đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Điều đó đã tạo ra một làn sóng đầu tư ra nước ngoài của các NHTM Trung Quốc. Tuy nhiên, có lẽ lý do chính để các NHTM Trung Quốc tiến hành đầu tư trực tiếp ra nước ngoài đó là các doanh nghiệp, tập đoàn Trung Quốc đã ở at tiến hành các hoạt động kinh doanh ở nước ngoài. Lẽ dĩ nhiên, các NHTM sẽ phải đi theo để phục vụ và cung cấp các dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp, tập đoàn đó. Thêm nữa, chính sách khuyến khích đầu tư ra nước ngoài trong ngành Tài chính- ngân hàng tại Trung Quốc cũng phải gắn với quá trình quốc tế hóa đồng Nhân dân tệ. Từ năm 2009, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc bắt đầu giảm kiểm soát tiền tệ bằng cách áp dụng các biện pháp hành chính thực hiện thí điểm thanh toán Nhân dân tệ (NDT) trong thương mại xuyên biên giới. Từ ngày 06/01/2011, Dự thảo “Biện pháp quản lý hành chính đối với OFDI bằng đồng Nhân dân tệ” được Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc ban hành có hiệu lực nhằm hỗ trợ thực hiện các

giao dịch thương mại xuyên biên giới bằng đồng NDT và tạo điều kiện thuận lợi cho các thể chế tài chính, ngân hàng tiến hành đầu tư ra nước ngoài bằng NDT. Điều này cho phép các công ty ở Trung Quốc đại lục sử dụng NDT thuận lợi trong các giao dịch quốc tế hoặc khi hoạt động kinh doanh tại nước ngoài.

2.2. Quy định đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thuộc ngành Ngân hàng

Tại Trung Quốc, có một số tổ chức chính trị ban hành các quy định hướng dẫn và quản lý OFDI bao gồm Hội đồng Nhà nước, Bộ Thương mại (MOFCOM), Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBC), Cục Quản lý Ngoại hối (SAFE), Ủy ban Giám sát và Quản lý Tài sản Nhà nước (SASAC) và Ủy ban Cải cách và Phát triển của Nhà nước (NDRC). Các công ty tài chính Trung Quốc muốn thực hiện OFDI cần phải xin phép Ủy ban Cải cách và Phát triển (NDRC), Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc và các nhà quản lý trong ngành. Từ tháng 4 năm 1990 đến tháng 1 năm 2011, các Biện pháp quản trị các doanh nghiệp tài chính ở nước ngoài (The Administrative Measures of Financial Enterprises Overseas) do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc ban hành năm 1990 là văn bản chính thức hướng dẫn hoạt động OFDI trong lĩnh vực tài chính tại nước này. Kể từ năm 2011, sau khi quy định này được bãi bỏ theo Luật Chính phủ Trung Quốc, ba nhà điều chỉnh ngành

tài chính (NDRC, PBC, SAFE) đã xây dựng các quy định riêng về OFDI trong lĩnh vực tài chính.

Cho đến nay tại Trung Quốc không có các văn bản pháp luật thống nhất, chính thức được ban hành để phòng ngừa rủi ro liên quan đến luân chuyển vốn xuyên biên giới và duy trì hiệu quả ổn định trên thị trường ngoại hối. Đối với đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng phải tuân theo các quy định của Nhà nước về kiểm tra, phê duyệt dự án đầu tư ở nước ngoài và quy định về quản lý ngoại hối giống như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh doanh khác. Tuy nhiên, từ tháng 11 năm 2016, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC), Cục Quản lý Ngoại hối (SAFE), Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) và Bộ Thương mại (MOFCOM) đã nhiều lần công bố Yêu cầu các bước cần thiết để phòng ngừa rủi ro đối với hoạt động đầu tư ở nước ngoài, đặc biệt đối với lĩnh vực ngân hàng tài chính.

Cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư ra nước ngoài

Theo quy định, tất cả các tổ chức tài chính muốn đầu tư ra nước ngoài phải được Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC), Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) và các cơ quan quản lý khác² thuộc lĩnh vực ngân hàng- tài chính phê duyệt. Tuy nhiên,

² Các cơ quan quản lý khác trong lĩnh vực ngân hàng-tài chính, ví dụ như Ủy ban Giám sát ngân hàng, Ủy ban Giám sát chứng khoán, Ủy ban Giám sát Bảo hiểm Trung Quốc.

tùy thuộc vào tổng mức đầu tư của dự án cũng như chủ đầu tư thì việc phân cấp thẩm quyền và thời gian phê duyệt các dự án OFDI thuộc lĩnh vực ngân hàng- tài chính là khác nhau (Bảng 1).

Quy định về ngoại hối

Tất cả các nhà đầu tư Trung Quốc sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đầu tư ra nước ngoài (bao gồm cả lĩnh vực tài chính-ngân hàng và phi tài chính) đều phải nộp đơn xin mua ngoại tệ qua Cục quản lý ngoại hối. Cục quản lý ngoại hối có trách nhiệm kiểm tra các nguồn ngoại tệ trên tài khoản mở tại các NHTM trong nước của nhà đầu tư. Số lượng ngoại tệ được phép mua sẽ phải tương đương, nhất quán với số tiền đầu tư ghi trong giấy phép đầu tư do Bộ Thương mại và Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia cấp. Tuy nhiên, số ngoại tệ được mua sử dụng cho các chi phí trước khi dự án triển khai (chi phí tiền khả thi)³ không được vượt quá 15% tổng giá trị đầu tư. Trong trường hợp 6 tháng sau khi khoản chi phí tiền khả thi được chuyển mà dự án đầu tư không được triển khai, thì toàn bộ số ngoại tệ trên tài khoản tại nước ngoài dành cho dự án đầu tư sẽ phải chuyển trả lại cho tài khoản ở trong nước. Đến hết năm 2015, Trung Quốc không hạn chế các giao dịch ngoại hối, cụ thể các hoạt động mua và chuyển ngoại tệ do giảm vốn, thanh lý, hoặc

³ Chi phí đặt cọc, chi phí nghiên cứu thị trường, phí tư vấn và các chi phí dịch vụ pháp lý ...

Bảng 1. Cấp thẩm quyền và thời gian phê duyệt OFDI đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng- tài chính tại Trung Quốc

Chủ đầu tư dự án	Quy mô dự án	Cấp phê duyệt	Thời gian phê duyệt
Các tổ chức tài chính thuộc sở hữu nhà nước do Trung ương quản lý	≥ 100 triệu USD	Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) Trung ương	Tối đa 30 ngày
	< 100 triệu USD	Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) Trung ương	Theo thông báo
Các tổ chức tài chính thuộc sở hữu nhà nước do Địa phương quản lý; hoặc các tổ chức tài chính ngoài nhà nước	≥ 100 triệu USD	- Văn phòng của Bộ Thương Mại tại địa phương	- Tối đa 10 ngày
		- Bộ Thương mại Trung ương	- Tối đa 20 ngày
		- Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Trung quốc tại nước nhận đầu tư	- Tối đa 10 ngày
	Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) Trung ương	- Tối đa 30 ngày	
10- 100 triệu USD	Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) tại địa phương	Theo thông báo	
< 10 triệu USD	Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) tại địa phương	Theo thông báo	

Nguồn: Sauvant và Chen (2014)

hồi hương sớm của một khoản đầu tư vào một doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hoặc do chuyển vốn cổ phần tại nước ngoài, vốn đầu tư vào một thực thể trong nước hoặc cá nhân ở Trung Quốc, nơi có thu nhập hợp pháp ở Trung Quốc được tái đầu tư không cần phê duyệt của SAFE. Các khoản mục này bao gồm lợi nhuận, thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, thoái vốn, thanh lý, và thu hồi sớm đầu tư.

Tuy nhiên vào năm 2016, giá trị RMB bị khấu hao trên 6% so với đô la Mỹ và dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc giảm mạnh. Việc giảm giá trị nhân dân tệ và sự thoái vốn liên tục ở mức bất thường đã gây ra mối quan ngại của Chính phủ Trung Quốc. Trong số các loại dòng vốn khác nhau, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (OFDI) của Trung Quốc tiếp tục tăng, với mức tăng 55,3% so với

cùng kỳ năm trước trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 11. Để giải quyết vấn đề áp lực đối với dự trữ ngoại hối, SAFE và PBOC đã họp vào ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc điều chỉnh quy trình quản lý dòng tiền ra nước ngoài. Mặc dù không có văn bản chính thức nào xuất hiện sau cuộc họp này, nhưng một số ngân hàng đã điều chỉnh hoạt động chuyển tiền ra nước ngoài của các quỹ đầu tư như sau:

- Bất kỳ khoản chuyển tiền nào được yêu cầu sau ngày 28 tháng 11 năm 2016 đều phải trải qua phỏng vấn pháp lý.
- Trường hợp việc mua hoặc thanh toán ngoại hối duy nhất đối với khoản mục tài khoản vốn có giá trị ≥ 5 triệu USD, công ty tài chính phải nộp vào tài khoản vốn của chi nhánh SAFE tại địa phương. Giao dịch có thể không được thực hiện cho đến khi PBOC và SAFE hoàn thành kiểm tra tính

xác thực và sự tuân thủ của giao dịch này.

- Giao dịch chuyển tiền cho đầu tư ra nước ngoài có giá trị ≥ 50 triệu USD không được thực hiện cho đến khi PBOC và SAFE kiểm tra tính xác thực và sự tuân thủ của giao dịch này.

- Không được phép chia nhỏ giao dịch để tránh việc kiểm tra giao dịch chuyển tiền lớn. Ngoài ra PBOC cũng sẽ kiểm tra nếu có từ 3 giao dịch chuyển tiền cho cùng một tài khoản/hoặc một công ty ở nước ngoài.

- Doanh nghiệp nhà nước (DNN) không được chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài nếu ≤ 20% vốn đầu tư là vốn chủ sở hữu, trừ trường hợp được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

- Sáu loại doanh nghiệp được chỉ định bởi NDRC và ủy ban thương mại theo yêu cầu kiểm tra nghiêm ngặt không được

Bảng 2. Tổng hợp các khoản đầu tư phải kiểm soát và khoản đầu tư bất thường theo quy định tại Trung Quốc

	Hình thức đầu tư	Ghi chú
Đầu tư phải kiểm soát	(1) Đầu tư nước ngoài không hợp lý ở các lĩnh vực: Bất động sản, Khách sạn, Rạp chiếu phim, Công nghiệp giải trí và Câu lạc bộ thể thao.	Hạn chế tối đa có thể
	(2) Các khoản đầu tư ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của nhà đầu tư.	Hạn chế tối đa có thể
	(3) Đầu tư ra nước ngoài bởi các Công ty hợp danh.	Nhìn chung bị cấm. Các khoản đầu tư có thể được thực hiện bởi các công ty TNHH.
	(4) Đầu tư bởi công ty mẹ có quy mô nhỏ với các công ty con lớn, tức là trường hợp quy mô đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp lớn hơn vốn đăng ký.	Các MOFCOM địa phương và NDRC sẽ không chấp nhận hoặc chấp thuận trừ khi doanh nghiệp có thể cung cấp thông tin cụ thể về: - Thông tin cơ bản của từng cổ đông trong nước. - Nguồn của quỹ (để đảm bảo nguồn tương ứng, chẳng hạn như từ vốn chủ sở hữu, vay ngân hàng, gây quỹ...). - Tính xác thực của dự án đầu tư ở nước ngoài.
	(5) Đầu tư bởi các doanh nghiệp được thành lập chưa lâu hoặc toàn cầu hóa sớm.	Một công ty con trong nước được thành lập trong thời gian tương đối ngắn (thường ít hơn 01 năm) hoặc xin đầu tư trực tiếp ra nước ngoài ngay sau khi thành lập phải giải thích đầy đủ về: - Nguồn vốn của các cổ đông - Việc thành lập công ty con - Thông tin cơ bản của dự án đầu tư
Đầu tư bất thường	(1) Đầu tư bởi các doanh nghiệp được thành lập chưa lâu hoặc toàn cầu hóa sớm.	Như quy định mục (5) phần đầu tư phải kiểm soát.
	(2) Đầu tư bởi công ty mẹ có quy mô nhỏ với các công ty con lớn.	Như quy định mục (4) phần đầu tư phải kiểm soát.
	(3) Các khoản đầu tư ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của nhà đầu tư.	Như quy định mục (2) phần đầu tư phải kiểm soát.
	(4) Đầu tư bởi các doanh nghiệp sử dụng Nhân dân tệ từ nguồn vốn bất thường, giao dịch liên quan đến việc chuyển bất động sản ra bên ngoài bất hợp pháp của một cá nhân hoặc hoạt động kinh doanh bất hợp pháp của tín dụng đen.	N/A

Nguồn: Baker McKenzie (2017)

chuyển các khoản đầu tư ở nước ngoài bao gồm:

- Các khoản đầu tư lớn ra nước ngoài, bao gồm: Mua lại bất động sản ra nước ngoài hoặc phát triển của DNNN có giá trị đầu tư từ 1 tỷ USD trở lên; Đầu tư ra nước ngoài hơn 1 tỷ đô la Mỹ ngoài hoạt động kinh doanh cốt lõi của nhà đầu tư Trung Quốc; và Các khoản

đầu tư ra nước ngoài lớn có giá trị từ 10 tỷ USD trở lên;

- OFDI được thực hiện bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Các khoản đầu tư cổ phần vào các công ty niêm yết: OFDI liên quan đến việc mua 10% hoặc ít hơn số cổ phần trong một công ty niêm yết ở nước ngoài;
- “Công ty mẹ nhỏ, công ty

con lớn”: Quy mô của mục tiêu OFDI lớn hơn đáng kể so với quy mô của nhà đầu tư ở Trung Quốc hoặc nhà đầu tư Trung Quốc đầu tư OFDI ngay sau khi thành lập;

- Tư nhân hóa: Các công ty trong danh sách các công ty huỷ bỏ niêm yết ở nước ngoài hoặc Công ty tư nhân Trung Quốc;

Bảng 3. Quy định đối với cho vay bằng đồng Nhân dân tệ ở nước ngoài

	Trước Thông báo 306	Sau Thông báo 306
Cơ quan ban hành	PBOC	PBOC + SAFE
Quan hệ sở hữu	Các doanh nghiệp trong và ngoài Trung Quốc nên giữ lợi ích vốn cổ phần với nhau hoặc sẽ bị kiểm soát bởi cùng một công ty. Một trong những doanh nghiệp đó cần hoạt động như trụ sở chính hoặc quản lý đầu tư tại khu vực.	Các doanh nghiệp trong và ngoài Trung Quốc nên giữ lợi ích vốn cổ phần với nhau.
Nguồn tài trợ	Không giới hạn.	Doanh nghiệp trong nước không được cấp vốn vay nước ngoài bằng các khoản đầu tư từ cá nhân hoặc bằng nợ của chính doanh nghiệp đó.
Quy áp dụng	Lãi suất, kỳ hạn và mục đích phải được thỏa thuận hợp lý giữa người cho vay và người đi vay và phải tuân thủ các nguyên tắc thương mại.	Ngoài việc được thỏa thuận hợp lý và phù hợp với các nguyên tắc thương mại: - Lãi suất phải lớn hơn 0%. - Thời hạn trên về nguyên tắc là từ 6 tháng đến 5 năm. - Các khoản vay từ 5 năm trở lên phải được đệ trình lên chi nhánh PBOC tại địa phương hoặc chi nhánh của chi nhánh PBOC tại địa phương
Xử lý các nghĩa vụ kiểm tra và báo cáo ngân hàng	N/A	Các nguyên tắc kiểm tra là tính xác thực, hợp lý và nhu cầu thực tế. Các ngân hàng xử lý cần: - Yêu cầu doanh nghiệp trong nước phải đăng ký với chi nhánh SAFE tại địa phương trước khi thực hiện khoản vay. - Đảm bảo số dư nợ nước ngoài của doanh nghiệp không vượt quá mức tối đa. - Kiểm tra chặt chẽ: Quy mô của doanh nghiệp ở nước ngoài có tương xứng với quy mô của khoản vay; Mục đích thực tế của khoản vay ở nước ngoài.
Hạn ngạch	Không giới hạn	Dư nợ cho vay nước ngoài của doanh nghiệp trong nước được quy định tối đa 30% vốn chủ sở hữu đã kiểm toán theo báo cáo gần nhất.

Nguồn: Baker McKenzie (2017)

○ Các giao dịch có tỷ suất lợi nhuận/rủi ro cao: ODI trở thành một mục tiêu ở nước ngoài dẫn đến tỉ lệ nợ cao và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu thấp. Các khoản đầu tư phải được giám sát và các khoản đầu tư được coi là bất thường được tổng hợp tại Bảng 2.

Quy định về cho vay ra nước ngoài

Để giải quyết vấn đề thất thoát nhân dân tệ ra nước ngoài, PBOC đã ban hành Thông báo số 306 vào ngày 29 tháng 11 năm 2016 về việc bổ sung thêm các vấn đề liên quan đến việc cho vay trả tiền ở nước ngoài của các doanh nghiệp tại Trung Quốc. Thông báo này

đề cập đến các chính sách và quy trình cho vay bằng đồng nhân dân tệ ở nước ngoài của các doanh nghiệp trong nước. Thông báo 306 quy định các chính sách thay đổi đối với cho vay đồng nhân dân tệ ở nước ngoài của các doanh nghiệp trong nước (Bảng 3). Theo Quy định số 3 ngày 28 tháng 12 năm 2016, PBOC đã

ban hành một phiên bản sửa đổi của Các biện pháp quản lý báo cáo của các tổ chức tài chính của các giao dịch lớn và các giao dịch đáng ngờ sẽ được thực hiện từ ngày 1 tháng 7 năm 2017.

Những biện pháp này bao gồm:

- (i) Thiết lập “nghi ngờ hợp lý” làm tiêu chuẩn khi các ngân hàng giải quyết yêu cầu báo cáo các giao dịch đáng ngờ;
- (ii) Giảm ngưỡng báo cáo giao dịch lớn cho các giao dịch tiền tệ nhân dân tệ từ 200.000 RMB đến 50.000 RMB hoặc tương đương 10.000 Đô la Mỹ và thiết lập ngưỡng báo cáo đối với các giao dịch qua biên giới bằng đồng Nhân dân tệ là 200.000 NDT hoặc tương đương với ngoại tệ 10.000 USD.

Giám sát hoạt động đầu tư ra nước ngoài

Sau khi được NDRC, PBOC và các cơ quan quản lý phê duyệt đầu tư, các hoạt động sau đầu tư của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng-tài chính được kiểm soát bởi MOFCOM và SAFE theo quy định Các tài liệu khác, các biện pháp tạm thời cho việc kiểm tra chung hàng năm của đầu tư nước ngoài (MOFCOM & SAFE 2009). Theo đó, các tiêu chí chính đánh giá hoạt động đầu tư nước ngoài tập trung vào:

- Chỉ số kinh tế tài chính, bao gồm khả năng sinh lời của doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động, chất lượng tài sản và khả năng thanh toán.
- Tiềm năng tăng trưởng ví dụ như: thị phần, doanh thu, hiệu

quả lao động.

- Đóng góp cho nền kinh tế Trung Quốc, ví dụ như: thuế, ngoại hối, tài nguyên thiên nhiên.

Hiện nay, MOFCOM đang dần chuyển hướng giám sát các chỉ số kinh tế tài chính sang các chỉ số xã hội, môi trường và đạo đức, điều này được đánh giá là một động thái tích cực đặc biệt đối với các công ty Trung Quốc đang hoạt động tại các nước đang phát triển (nơi thường có cơ sở pháp lý về môi trường và hoạt động khác tương đối yếu).

Các doanh nghiệp nhà nước và các công ty con cũng phải được giám sát đặc biệt theo quy định tại Các biện pháp giám sát tạm thời của đầu tư ra nước ngoài ban hành vào ngày 1/5/2012 (SASAC 2012). Thông qua chính sách này, SASAC đảm bảo hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc tại nước ngoài có thể hỗ trợ cho mục tiêu kinh tế- xã hội cho Trung Quốc. Điểm khác biệt của chính sách này so với các chính sách trước đó là ở chỗ doanh nghiệp nhà nước không được phép đầu tư ngoài ngành công nghiệp kinh doanh cốt lõi.

2.3. Đánh giá quá trình đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thuộc ngành Ngân hàng tại Trung Quốc

Với chính sách hướng ngoại, ngành Ngân hàng Trung Quốc đã đạt được một số thành tựu nhất định. Bắt đầu từ năm 2001, chính sách “đi ra toàn cầu” được mở rộng để khuyến

khích OFDI, đồng thời Chính phủ tạo ra các ưu đãi về thuế dựa trên 2 hiệp định về thuế được ban hành trong giai đoạn này. Năm 2004, chính quyền Trung Quốc nới lỏng các quy định giám sát về OFDI dẫn tới sự bùng nổ của OFDI trong ngành ngân hàng. Từ năm 2007, OFDI của Trung Quốc đã đạt trung bình trên 30 tỷ đô la một năm, dễ dàng vượt quá OFDI của Hàn Quốc trong cùng thời kỳ. Tính đến năm 2009, tất cả 5 NHTM nhà nước của Trung Quốc đều có chi nhánh ở nước ngoài, trong khi các NHTM cổ phần cũng đã thành lập các chi nhánh hoặc liên doanh với nước ngoài. Đến nay, các NHTM Trung Quốc đã có chi nhánh tại rất nhiều quốc gia, thậm chí một quốc gia có nhiều chi nhánh như ICBC, Bank of China (Bảng 4).

Trước khi ban hành Thông báo 306, ước tính tổng giá trị đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực tài chính của Trung Quốc giai đoạn 2002- 2012 đạt 140 tỷ USD. Theo tỷ lệ phần trăm của tổng giá trị OFDI, Trung Quốc cho vay gần gấp 3 lần so với Nhật Bản, nước từng dẫn đầu thế giới về giá trị OFDI trong lĩnh vực tài chính. Ngân hàng CDB và Ngân hàng EXIM đã trở thành lực lượng chính trong chính sách “đi ra toàn cầu” của Trung Quốc thông qua hỗ trợ hoạt động mở rộng ra nước ngoài của các công ty Trung Quốc và tiếp cận tài chính toàn cầu.

Đến năm 2011, các giao dịch NDT xuyên biên giới đã được ghi nhận ở 181 quốc gia và khu vực, và các khoản thanh

Bảng 4. Số lượng chi nhánh nước ngoài của các NHTM Nhà nước Trung Quốc

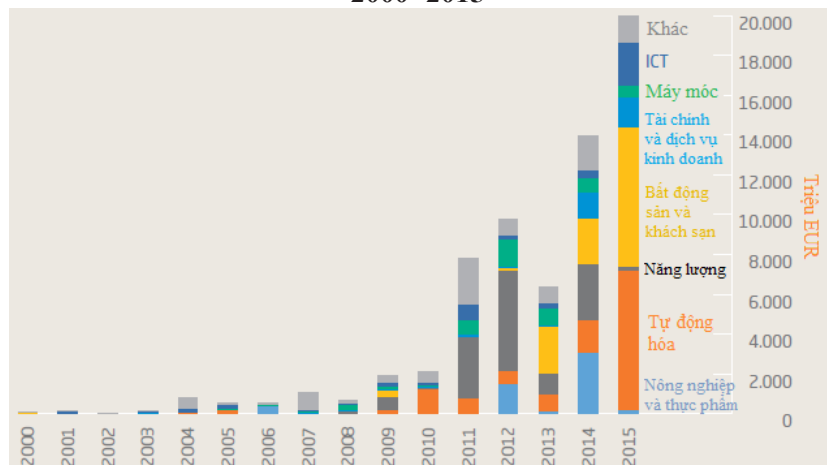
(Tính đến thời điểm cuối năm 2016- trong ngoặc đơn là số chi nhánh)

STT	Ngân hàng	Các quốc gia, lãnh thổ có chi nhánh
1	Ngân hàng Công thương Trung Quốc (ICBC)	- Khoảng hơn 400 chi nhánh tại trên 50 quốc gia ở 6 lục địa khắp thế giới. - Số 1 thế giới về tổng tài sản (xếp hạng tháng 3 năm 2017).
2	Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc (China Construction Bank)	- Có 15 chi nhánh tại nước ngoài bao gồm: Hongkong, Singapore, Nhật, Hàn quốc, Việt Nam, Singapore, Arab Saudi, Luxembourg, Anh, Đức, Thụy sĩ, Mĩ, Canada, Nam Phi, Australia, Macao. - Số 2 thế giới về tổng tài sản (xếp hạng tháng 3 năm 2017).
3	Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc	- Có 9 chi nhánh (tại Hongkong, Mĩ, Singapore, Hàn Quốc, Nhật, Arab Saudi, Đức, Luxembourg, và Australia); 3 ngân hàng con (Anh, Nga, Luxembourg), và 3 VPĐD (Việt Nam, Canada, Đài Loan). - Số 3 thế giới về tổng tài sản (xếp hạng tháng 3 năm 2017).
4	Ngân hàng Trung Quốc (Bank of China)	- Có chi nhánh tại trên 50 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như: Australia (7), Việt Nam, Hongkong (16), Singapore (8), Nhật (5), Hàn Quốc (4), Kazakhstan (2), Thái Lan (2), Capuchia (2), Malaysia (2), Phillipin, Indonesia (3), Anh (7), Luxembourg (2), Hà Lan, Ba Lan, Thụy Điển, Bỉ, Pháp (2), Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức (3), Ý, Hungary, Nga (3), Mĩ (4), Canada (10), Panama, Cayman Irland, Brazil, South Africa, Zambia, Đài Loan, Macau... - Số 4 thế giới về tổng tài sản (xếp hạng tháng 3 năm 2017).
5	Ngân hàng Thông tin Trung Quốc (Bank of Communications)	HongKong, Singapore Nhật Bản, Hàn Quốc, Vietnam, Macau, Đức. Anh, Australia, Mĩ (2), Đài Loan.

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp từ website của các NHTM Nhà nước Trung Quốc

toán biên mậu của NDT đạt 2,5 nghìn tỷ Nhân dân tệ (406 tỷ USD), tăng 394% so với cùng kỳ năm 2010, dựa trên dữ liệu của Deloitte. Trong năm 2011, tổ chức tư vấn tài chính SWIFT cho biết có hơn 900 tổ chức tại hơn 70 quốc gia đang kinh doanh bằng NDT. Theo báo cáo của Rhodium Group, đầu tư của Trung Quốc vào EU trong lĩnh vực tài chính ngân hàng đã tăng mạnh trong năm 2014- 2015 với giá trị hơn 1 tỷ EUR (Trung Quốc đã tham gia vào một loạt các vụ sáp nhập và mua lại các ngân hàng bị kiểm soát của Châu Âu trong khoảng thời gian này). Đến năm 2016, các vụ mua lại các công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính của Trung Quốc đã trở nên phổ biến với 81 hợp đồng

Hình 1: Tỷ trọng OFDI của Trung Quốc vào EU theo ngành 2000- 2015



Nguồn: Rhodium Group Report 2016

Bảng 5: OFDI trong lĩnh vực tài chính tại Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc giai đoạn 2003-2011

	Giá trị (tỷ USD)	% so GDP	% so tổng dòng vốn OFDI
Trung Quốc	139,9	0,31%	58%
Nhật Bản	140,7	0,26%	15,6%
Hàn Quốc	37,1	0,38%	20,3%

Nguồn: Global Economic Governance Initiative (2014)

Bảng 6: Quy định pháp lý về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam

	Văn bản	Quy định cụ thể
Quản lý cấp phép	Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09/09/2013	<ul style="list-style-type: none"> - NHTM thành lập chi nhánh tại nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: - Có thời gian hoạt động tối thiểu là 3 năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị. - Tổng tài sản có đạt 100.000 tỷ đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị. - Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 3 năm liền kề trước năm đề nghị. - Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. - Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc. - Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành. - NHTM thành lập văn phòng đại diện tại nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> - Có thời gian hoạt động tối thiểu là 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị. - Tổng tài sản có đạt 100.000 tỷ đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị. - Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc. - Tại thời điểm đề nghị, ngân hàng thương mại có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.
Quản lý ngoại hối	Thông tư số 12/2016/TT-NHNN	<ul style="list-style-type: none"> - NHNN xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là TCTD. - Nhà đầu tư chỉ được chuyển vốn ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài bằng loại ngoại tệ được NHNN xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối. Tổng giá trị vốn đầu tư đăng ký với NHNN không được vượt quá vốn đầu tư của nhà đầu tư bằng loại ngoại tệ được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.
Quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Nghị định số 83/2015/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp dự án có vốn đăng ký chuyển ra nước ngoài bằng ngoại tệ tương đương 20 tỷ đồng trở lên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến bằng văn bản của NHNN trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc. - Giao dịch chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài phải được thực hiện thông qua một tài khoản vốn riêng mở tại một TCTD được phép tại Việt Nam và phải đăng ký tại NHNN Việt Nam theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.
Chuyển lợi nhuận về nước	Luật Đầu tư 2014	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận thu được và các khoản thu nhập khác từ đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam. Vượt quá thời hạn này, nhà đầu tư phải có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời hạn chuyển lợi nhuận về nước được gia hạn không quá hai lần, mỗi lần không quá 06 tháng và phải được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận.

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

đã hoàn thành theo tính toán của PwC, trong đó bao gồm 50 thương vụ của doanh nghiệp tư nhân. Tính đến hết năm 2016, Trung Quốc là nhà đầu tư lớn thứ 3 toàn cầu với danh mục đầu tư lớn tại Brazil, Đức, Tây Ban Nha.

Sau nhiều năm tăng trưởng ngoạn mục, sự bùng nổ OFDI của Trung Quốc có thể chậm lại trong năm 2017 do chính sách cắt giảm vốn theo các quy định mới ban hành cuối năm 2016 của các cơ quan quản lý tài chính nước này.

3. Chính sách quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài thuộc ngành Ngân hàng tại Việt Nam

Hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các NHTM Việt Nam mới chỉ thực sự phát triển trong vài năm gần đây. Trên thực tế, hoạt động OFDI của các NHTM Việt Nam mới chỉ tập trung tại một số thị trường có cộng đồng người Việt sinh sống quy mô lớn và có quan hệ ngoại giao chặt chẽ với Việt Nam như: Lào, Campuchia. Tại thị trường các nước này, các nghiệp vụ chính như cho vay, huy động hầu như chỉ phục vụ cho một số doanh nghiệp lớn đến từ Việt Nam. Bên cạnh việc mở các chi nhánh tại Lào và Campuchia, một số NHTM Việt Nam đã mở các văn phòng đại diện tại một số quốc gia phát triển như Đức, Hongkong, Singapore. Hệ thống các văn bản Pháp luật điều chỉnh OFDI trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam bao gồm Luật Đầu tư 2014,

Nghị định số 83/2015/NĐ-CP và các quy định quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nội dung chi tiết các quy định hiện hành được tổng hợp trong Bảng 6.

4. Một số khuyến nghị đối với chính sách quản lý đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của ngành Ngân hàng tại Việt Nam

Như vậy có thể thấy, khung pháp lý về hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam đã bao trùm được nhiều nội dung nhưng vẫn còn một số vấn đề chưa được cụ thể, đặc biệt là việc giám sát và đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Chính vì vậy, trên cơ sở nghiên cứu khung pháp lý quản lý hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc và thực tế tại Việt Nam, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị chính sách quản lý nhằm quản lý có hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài đối với ngành ngân hàng Việt Nam đó là:

Thứ nhất là hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các NHTM cần phải đảm bảo việc tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- (i) Quản lý quy mô đầu tư ra nước ngoài không được vượt quá quy mô hoạt động của ngân hàng mẹ trong nước.
- (ii) Quản lý hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam tại nước ngoài đảm bảo hoạt động đầu tư không làm ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ rủi ro của ngân hàng mẹ tại Việt Nam.

Thứ hai, để tăng cường hiệu quả các khoản đầu tư tại nước ngoài của NHTM Việt Nam, NHNN cần thiết phải:

(i) Xây dựng bộ phận chuyên trách và quy trình kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh của ngân hàng mẹ và chi nhánh nước sở tại, đồng thời yêu cầu các chi nhánh nước sở tại báo cáo định kỳ hàng quý chi tiết về tình hình thị trường, các hoạt động huy động vốn, cho vay,... tại nước ngoài.

(ii) Xây dựng bộ nhận diện rủi ro đối với thị trường của từng quốc gia đối tác, làm cơ sở hỗ trợ cho các quyết định kinh doanh của chi nhánh NHTM Việt Nam tại nước ngoài.

(iii) Kết hợp với chính quyền nước sở tại thực hiện giám sát thường xuyên hoạt động NHTM Việt Nam tại nước ngoài.

Thứ ba, về phân cấp phê duyệt dự án đầu tư thuộc ngành ngân hàng: Hiện nay tại Việt Nam đang phân cấp phê duyệt các khoản đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên phải có sự chấp thuận của NHNN, đây là mức giới hạn khá thấp dẫn đến hầu hết các dự án đầu tư nước ngoài đều phải thông qua 2 cấp quản lý là Bộ Kế hoạch Đầu tư và NHNN. Để giảm thiểu thủ tục, tiết kiệm thời gian cho các tổ chức/doanh nghiệp, Chính phủ có thể xem xét điều chỉnh phân cấp phê duyệt của Bộ Kế hoạch Đầu tư ở mức cao hơn, phù hợp với mức đầu tư trung bình của các dự án trên thực tế (ví dụ: 50- 100 tỷ đồng), yêu cầu các khoản đầu tư này phải được thông báo với Bộ Công thương và NHNN.

Thứ tư, về giám sát các hoạt động đầu tư ra nước ngoài của NHTM Việt Nam: NHNN cần kết hợp với Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng chính sách chung nhằm kiểm soát và đánh giá các hoạt

động NHTM Việt Nam tại nước ngoài theo các tiêu chí:
(i) Hiệu quả hoạt động tài chính thông qua các chỉ tiêu sinh lời, chất lượng tài sản, khả năng thanh toán...
(ii) Đóng góp cho kinh tế Việt

Nam thông qua các chỉ tiêu về thuế, ngoại hối...
(iii) Mức độ đóng góp nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế, chính trị của Việt Nam trong từng giai đoạn. ■

Tài liệu tham khảo

1. Baker McKenzie (2017)- *New restriction on China outbound market*, <http://www.bakermckenzie.com/en/insight/publications/2017/01/new-restrictions-china-outbound-investments/>
2. Brandy Au (2011)- *Outbound foreign direct investment in China's finance factor implications for domestic banking reform*.
3. Changhong Pei, Wen Zheng (2015)- *China's outbound foreign direct investment promotion system*.
4. Đỗ Huy Thường (2015)- *Chính sách đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*.
5. Eugenio Ceruti, Giovanni Dell Ariccia, Maria Soledad Martínez Pería (2006)- *How banks go abroad: branches or subsidiaries?*
6. Inwon Song (2004)- *Foreign bank supervision and challenges to emerging market supervisors*.
7. Karl P.Sauvant và Victor Zitian Chen (2014)- *China's regulatory framework for outward foreign direct investment*.
8. Phạm Thị Hoàng Anh và cộng sự, 2017, *Đề tài NCKH cấp ngành: Điều hành chính sách giám sát an toàn vĩ mô: kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam*, Mã số: DTNH.25/2016
9. Phạm Thị Hoàng Anh, 2009, *The current global financial – economic crisis and FDI flows into Viet Nam, Viet Nam's Socio Economic Development Review*
10. Sauvant, K.P. và Chen, V.Z. (2014). *China's regulatory framework for outward foreign direct investment. China Economic Journal*, 7(1), pp.141-163.
11. Steven Ongena, Alexander Popov, Gregory F.Udell (2012)- *"When the cat's away the mice will play": Does regulation at home affect bank risk-taking abroad?*
12. Xiaoxi Zhang (2013)- *China's outward FDI and bank performance*.
13. Các văn bản pháp lý: Luật đầu tư 2014; Nghị định số 83/2015/NĐ-CP; Thông tư số 21/2013/TT-NHNN ngày 09/09/20; Thông tư số 12/2016/TT-NHNN.

Thông tin tác giả

Bùi Tín Nghị, Tiến sỹ
Giám đốc Học viện Ngân hàng
Email: nghibt@hvn.edu.vn

Phạm Thị Hoàng Anh, Phó Giáo sư, Tiến sỹ
Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học, Học viện Ngân hàng
Email: anhpth@hvn.edu.vn

Summary

Policies for Managing Outward Foreign direct Investment in Banking Industry: Experiences from China and Policy Implications for Viet Nam

Expanding market, especially expanding foreign market, is a very important part of business strategies for all commercial banks in order to look for new opportunities, increase its profits. The paper aims at analyzing legal framework for outward foreign direct investment in banking and finance, and is structured into four parts. The first part will explain rationale for commercial banks doing business in foreign countries. In the part 2 and 3, the paper reviews and analyses experiences of managing outward FDI in banking and finance in China as well as in Vietnam, respectively. Lastly, authors suggest policy implications for authorities in perfecting the legal framework of OFDI in Vietnam.

Keywords: Outward Foreign Direct Investment- OFDI, legal framework, Viet Nam, China.

Nghi Tin Bui, PhD.
President of Banking Academy

Anh Thi Hoang Pham, Assoc.Prof. PhD.
Director of Banking Research Institute, Banking Academy